

HƯỚNG DẪN

**một số nội dung Quy định số 58-QĐ/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu
ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức,
miễn nhiệm đối với cán bộ trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Quy định số 58-QĐ/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (sau đây gọi tắt là *Quy định số 58-QĐ/TU*) trên địa bàn tỉnh; đồng thời, trên cơ sở đề nghị của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể nêu tại Quy định số 58-QĐ/TU như sau:

I. Về phân cấp quản lý cán bộ

Về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy cơ sở nơi kết thúc đảng đoàn, ban cán sự đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn theo Quy định số 58-QĐ/TU (*Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19*); trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về các nội dung, quyết định của mình trong công tác cán bộ được phân cấp, ủy quyền.

2. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*hoặc thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy được ủy quyền quản lý*) công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc: Nhận xét, đánh giá, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn, điều kiện; thực hiện quy trình nhân sự và việc đề xuất cấp có thẩm quyền quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm và các nội dung quản lý đối với cán bộ theo quy định; báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) các trường hợp tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

3. Đối với cán bộ thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã: Các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đảng ủy xã, phường, đặc khu quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, chính sách

nghỉ hưu đúng tuổi đối với cán bộ thuộc diện quản lý giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống; xếp ngạch cán sự và tương đương trở xuống theo vị trí việc làm (nếu có). Trường hợp cán bộ giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên hoặc cán bộ đề nghị được nghỉ theo chế độ, chính sách tinh giản biên chế phải báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

4. Nắm chắc tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy và cơ quan liên quan trong công tác quản lý cán bộ; hướng dẫn và tham mưu, xử lý kịp thời những sai phạm, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh trong công tác cán bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. Về quy hoạch cán bộ

1. Về nguyên tắc quy hoạch (Khoản 2, 3, Điều 21)

1.1. Quy hoạch cấp ủy gắn với quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý

- Lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn X, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã A nhiệm kỳ 2025-2030, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Đảng ủy xã A nhiệm kỳ 2025-2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch 02 chức danh: Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A nhiệm kỳ 2026-2031.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn Y, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã A nhiệm kỳ 2025-2030, nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã A nhiệm kỳ 2025-2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch 02 chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã A, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

- Việc quy hoạch chức danh cấp ủy gắn với chức danh lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

- Đối với các tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước, thì định hướng tiến hành quy hoạch chức danh cấp ủy đồng thời với quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; bảo đảm thực hiện đúng các quy định của Ban Bí thư về cơ cấu cấp ủy các tổ chức đảng trong doanh nghiệp, chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty) đồng thời là bí thư cấp ủy, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) tham gia cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy.

1.2. Quy hoạch chức danh cao hơn

Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh (*chức vụ*) cao hơn chức danh đang đảm nhiệm; không quy hoạch chức danh đang đảm nhiệm, chức danh tương đương, chức danh thấp hơn hoặc chức danh kiêm nhiệm theo cơ cấu.

Ví dụ: Đồng chí *Nguyễn Văn X*, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã nhiệm kỳ 2025-2030, nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư, Bí thư Đảng ủy xã nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2026-2031; không giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2026-2031; hoặc các chức danh khác tương đương hoặc thấp hơn chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã theo Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị và Quyết định số 75-QĐ/TU, ngày 01/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh An Giang.

1.3. Việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch

Cán bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch, thì đủ điều kiện đưa vào danh sách để thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

2. Về chức danh, đối tượng quy hoạch (Khoản 1, 2, Điều 23 và Phụ lục 2)

2.1. Về chức danh quy hoạch

Nhân sự nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh quy hoạch, thì được cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh theo quy định (*đối tượng 1 và đối tượng 2*).

Ví dụ: Đồng chí *Nguyễn Văn Y*, Trưởng phòng thuộc Sở X, nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thì có thể xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch đồng thời đối với chức danh Phó Giám đốc Sở X và chức danh Giám đốc Sở X giai đoạn 2026-2031, 2031-2036.

2.2. Về đối tượng quy hoạch ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu

Các đồng chí là đối tượng 1 hiện giữ chức vụ cấp phó của các cơ quan, đơn vị được xác định có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu, thì không cần phải quy hoạch vào chức danh cấp trưởng (*được xác định là có cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh*).

Ví dụ 1: Các cơ quan tham mưu giúp việc đảng ủy là cơ quan được xác định có cơ cấu cấp phó tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, đặc khu. Như

vậy, đồng chí cấp phó, chưa là đảng ủy viên, thuộc đối tượng quy hoạch đảng ủy viên mà không cần phải quy hoạch vào chức danh Thủ trưởng cơ quan.

Ví dụ 2:

Đối với các phòng thuộc Ủy ban nhân dân xã, chức danh Trưởng Phòng X có cơ cấu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhưng chức danh Phó Trưởng Phòng X không có cơ cấu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ xã. Như vậy, chỉ có các đồng chí Phó Trưởng Phòng X được quy hoạch chức danh Trưởng Phòng X, là đối tượng quy hoạch Đảng ủy viên.

3. Về trách nhiệm xây dựng, rà soát, bổ sung quy hoạch và thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch (khoản 1, 2 Điều 25)

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy cơ sở nơi kết thúc đảng đoàn, ban cán sự đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm: (i) trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*hoặc thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy được ủy quyền quản lý*) công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị; (ii) phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm đối với các chức danh Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Chủ trì thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*hoặc thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy được ủy quyền quản lý*).

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không quá 15 ngày làm việc.

4. Thời điểm xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp (Khoản 1, 2 Điều 26)

4.1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước nước giao nhiệm vụ cũng thực hiện tương tự*).

4.2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong Quý I và báo cáo cấp trên trực tiếp về kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp mình quản lý trong Quý II, chậm nhất tháng 6. Trường hợp

rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Lưu ý: Căn cứ Kết luận số 187-KL/TW, ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Quy định số 58-QĐ/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trên địa bàn tỉnh và các quy định liên quan; đồng thời, trên cơ sở nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy, chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ trong nhiệm kỳ; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc đánh giá nguồn nhân sự trong quy hoạch và tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 định kỳ hằng năm theo đúng quy định.

5. Về tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch (Điều 27)

5.1. Về việc nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch (Khoản 1)

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ lý luận chính trị: (i) Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; (ii) Đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch, thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

5.2. Về độ tuổi quy hoạch (Khoản 2)

Tuổi quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu, trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 60 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

5.3. Về thời điểm tính tuổi quy hoạch (Khoản 3)

Kế thừa thời điểm tính độ tuổi được quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiến tới Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể:

5.3.1. Thời điểm tính tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch (hoặc xây dựng mới nếu chưa có) cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030, nhiệm kỳ 2026 - 2031:

+ Đợt 1 (trong quý 1 hàng năm) là tháng 03 của năm rà soát. Ví dụ: đợt 1 năm 2026 là tháng 3/2026.

+ Đợt 2 nếu cần thiết, tại tháng rà soát. Ví dụ: nếu tiến hành rà soát vào tháng 10 thì tính tuổi vào tháng 10/2026.

5.3.2. Thời điểm tính tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2030 - 2035: Cấp cơ sở là tháng 4/2030; cấp trên trực tiếp cơ sở là tháng 6/2030; đảng bộ các xã, phường, đặc khu là tháng 7/2030; cấp trực thuộc Trung ương là tháng 9/2030.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2031-2036 là tháng 3/2031.

- Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2030-2035 thực hiện theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

(Có Phụ lục 1. Xác định tuổi đối với các chức danh quy hoạch kèm theo).

6. Về hệ số, số lượng chức danh quy hoạch (Khoản 1, 2, Điều 28)

6.1. Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp

Hệ số quy hoạch từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp theo quy định.

Ví dụ: Đảng bộ xã A được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 33 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 11 đồng chí; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra là 05 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa (theo hệ số 1,5) sẽ là: (i) Ủy viên ban chấp hành tối đa là 50 người; (ii) Ủy viên ban thường vụ tối đa là 17 người; (iii) Ủy viên ủy ban kiểm tra tối đa là 8 người.

6.2. Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý

- Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ.

Ví dụ: Theo quy định, Ban Xây dựng Đảng, Đảng ủy xã B có 02 phó trưởng ban, số lượng quy hoạch đối ta sẽ là 06 người.

- Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh lãnh đạo, quản lý ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (*không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy*).

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn X, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, được giới thiệu quy hoạch tối đa 03 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (*Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Giám đốc Sở hoặc cấp phó các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, cấp phó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, ... nhưng tối đa không quá 03 chức danh*).

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn Y, Trưởng phòng thuộc Sở C được giới thiệu quy hoạch tối đa 03 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (*Phó Giám đốc Sở C, Giám đốc Sở C hoặc Phó Giám đốc Sở khác hoặc cấp phó các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, cấp phó Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, ... nhưng tối đa không quá 03 chức danh*).

- Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nhiệm kỳ 2025-2030, nhiệm kỳ 2026-2031 thực hiện theo Kết luận số 187-KL/TW, ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Nghị định số 300/2025/NĐ-CP, ngày 17/11/2025 của Chính phủ của Chính phủ quy định khung số lượng phó chủ tịch ủy ban nhân dân, số lượng và cơ cấu ủy viên ủy ban nhân dân; Nghị quyết số 332/NQ-CP, ngày 15/10/2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, trung tâm phục vụ hành chính công thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định khác liên quan.

6.3. Cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ

- Cán bộ có trình độ khoa học công nghệ là: (i) Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học trở lên của các ngành liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; (ii) Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học chuyên ngành khác và có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (*từ 01 năm trở lên*) do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp theo quy định; có ít nhất 02 năm trực tiếp đảm nhiệm công việc trong các dự án, chương trình khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương và có sản phẩm, kết quả cụ thể.

- Cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ ở cấp xã và tương đương: Phần đầu án bộ trẻ (*dưới*

42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%, tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp xã và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

7. Về quản lý quy hoạch (Khoản 2, Điều 30)

- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải bám sát vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

8. Về các trường hợp đương nhiên đưa ra khỏi quy hoạch (Điều 31)

- Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải kịp thời quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa ngay ra khỏi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Đối với các trường hợp còn lại, thì thực hiện kết hợp vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm gần nhất theo quy định.

III. Về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn (Điều 36)

1.1. Thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương (Khoản 3)

- Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (*liền kề*) hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*).

Trường hợp đặc biệt nếu nhân sự có thời gian giữ chức vụ hoặc chức vụ tương đương dưới 1 năm, thì cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ phải tiến hành: (i) Đánh giá khách quan, toàn diện về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và việc bố trí, sử dụng cán bộ; (ii) Quyết định và chịu trách nhiệm về

quyết định của mình hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

- Trường hợp nhân sự hiện giữ chức danh (*chức vụ*) có cơ cấu tham gia cấp ủy các cấp theo quy định, thì không phải thực hiện quy định về thời gian giữ chức danh đang đảm nhiệm hoặc tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*) để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy theo cơ cấu.

Ví dụ: Đồng chí *Nguyễn Văn D*, Trưởng Phòng thuộc Ủy ban nhân dân xã, chức vụ có cơ cấu cấp ủy cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 theo đề án nhân sự cấp ủy, nếu đồng chí đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện cấp ủy viên cấp xã theo quy định, thì được giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 mà không nhất thiết phải có thời gian giữ chức vụ Trưởng Phòng hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*).

1.2. Về độ tuổi (Khoản 5)

Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh (*chức vụ*) lãnh đạo, quản lý cao hơn lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt không bảo đảm độ tuổi theo quy định, thì phải còn ít nhất là 04 năm (*48 tháng*) đối với nhiệm kỳ 05 năm (*60 tháng*) và do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ phải tiến hành các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Rà soát, đánh giá toàn diện, dân chủ, khách quan về chất lượng nguồn nhân sự trong quy hoạch và chức danh tương đương, gắn kết chặt chẽ với tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bước 2: Nếu không có nguồn nhân sự đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thì cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành đánh giá khách quan, toàn diện, kỹ lưỡng về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự thuộc trường hợp “đặc biệt về độ tuổi” trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả đánh giá, các cấp ủy, tổ chức đảng báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy hoặc xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp ủy, tổ chức đảng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

1.3. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định 59-QĐ/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định, hướng dẫn liên quan; trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ định kỳ hằng năm của cấp có thẩm quyền để tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong 3 năm gần

nhất (*tính từ thời điểm thực hiện quy trình nhân sự trở về trước*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn theo quy định và chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp về kết quả đánh giá của mình.

2. Về thẩm định nhân sự (Khoản 4, Điều 38)

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt và nâng cao chất lượng công tác thẩm định nhân sự, cụ thể: (i) Rà soát, thẩm định, thẩm tra chặt chẽ, kỹ lưỡng về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và những nội dung khác liên quan đến nhân sự theo quy định; trong đó, tập trung rà soát, thẩm định kỹ lưỡng và kết luận rõ tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự theo Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; (ii) Chỉ đạo các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy và các cơ quan chức năng (*nội chính, công an, thanh tra và các cơ quan liên quan*) tiến hành rà soát chặt chẽ, kỹ lưỡng để xác định rõ trách nhiệm (*nếu có*) của nhân sự trong các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc vụ án, vụ việc mà các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (*nếu có*); (iii) Chịu trách nhiệm chính trước cấp trên trực tiếp về kết quả rà soát, thẩm định, thẩm tra và đề xuất, giới thiệu nhân sự của mình.

3. Về quy trình nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử (Điều 39):

3.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nêu tại Quy định số 58-QĐ/TU để cụ thể hóa thành quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh diện cấp mình quản lý, bảo đảm theo đúng quy định và đáp ứng tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3.2. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm: Thực hiện theo quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 47 của Quy định số 58-QĐ/TU.

3.3. Đối với các xã, phường, đặc khu: Các chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy, bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy khi có yêu cầu bổ sung từ nguồn nhân sự tại chỗ của xã, phường, đặc khu phải thực hiện quy trình 4 bước theo quy định.

4. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương (Điều 41):

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức theo ngành dọc chủ trì phối hợp, trao đổi ý kiến (*bằng văn bản, tài liệu liên quan kèm theo*) với ban thường vụ cấp ủy địa phương về đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp trưởng, cấp phó của tổ chức ngành dọc đang công tác, sinh hoạt đảng trên địa bàn; phân

tích thảo luận về ý kiến khác nhau (nếu có) để xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Lưu ý: Đối với các cơ quan, đơn vị không tổ chức theo ngành dọc, thì không được yêu cầu các cấp ủy địa phương thực hiện việc trao đổi, hiệp y trong công tác cán bộ theo đúng Quy định số 58-QĐ/TU (trừ khi có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư).

Trường hợp khi xem xét, chuẩn y kết quả bầu cử của cấp dưới theo điều lệ của tổ chức, nếu phát hiện nhân sự được các cấp ủy đề nghị không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc thực hiện chưa đúng quy trình nhân sự, nguyên tắc bầu cử theo quy định, thì tạm dừng, chưa chuẩn y kết quả bầu cử và chủ động phối hợp với ban thường vụ cấp ủy địa phương và cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ cấp trên để rà soát, thực hiện theo đúng quy định.

5. Việc điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trong nhiệm kỳ

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy (không bao gồm cơ cấu cứng) khác với đề án nhân sự cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy đã được cấp thẩm quyền thông qua để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, tình hình đội ngũ cán bộ, thì phải tổ chức hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành để thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, dân chủ, công khai, minh bạch, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao và tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín về cơ cấu cần điều chỉnh (phải đạt ít nhất trên 2/3 so với tổng số cấp ủy viên hoặc ủy viên ban thường vụ cấp ủy); đồng thời, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp về quyết định của mình.

IV. Về cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ

1. Về căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ

Cán bộ khi có một trong các căn cứ tương ứng nêu tại các Khoản 1, 2, 3, Điều 50, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm theo đúng quy định.

2. Về quy trình cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Khoản 1, Điều 52)

- Khi có một trong các căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (hoặc Thường trực Tỉnh ủy được ủy quyền quản lý) theo quy định, thì thực hiện như sau:

+ Ban Tổ chức Tỉnh ủy trao đổi với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về chủ trương để cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức hoặc miễn nhiệm.

+ Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm trao đổi với cán bộ trước khi báo cáo với tập thể ban thường vụ đảng ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác xem xét, cho ý kiến và gửi văn bản báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

+ Trên cơ sở ý kiến của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan; tổng hợp ý kiến, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, các cơ quan chức năng thực hiện thủ tục theo quy định.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nêu trên, có trách nhiệm cụ thể hóa, hướng dẫn việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ diện cấp mình quản lý bảo đảm đúng quy định và phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Về bố trí chức vụ thấp hơn và không quan trọng hơn đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức (*Khoản 1, 2, Điều 53*)

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, Đảng ủy viên Đảng ủy xã X, Trưởng Phòng B xã X (*chức danh có cơ cấu cấp ủy xã theo đề án nhân sự cấp ủy*), sau khi cấp có thẩm quyền cho thôi chức vụ Đảng ủy viên Đảng ủy xã X, thì không bố trí đồng chí Nguyễn Văn A tiếp tục làm Trưởng Phòng B, hoặc chức vụ tương đương có cơ cấu cấp ủy xã X nhưng có thể bố trí làm Phó Trưởng Phòng B hoặc cấp phó phòng, ban thuộc xã X (*không bao gồm chức danh có cơ cấu cấp ủy*).

V. Về danh mục chức danh lãnh đạo, quản lý theo phân cấp

Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa, ban hành danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc cấp mình quản lý, bảo đảm theo đúng quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bao gồm: Quy định số 58-QĐ/TU và Quyết định số 75-QĐ/TU, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chung, đồng bộ với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

VI. Về hồ sơ cán bộ

1. Về kê khai hồ sơ nhân sự

- Nhân sự phải kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ các thành phần, nội dung của hồ sơ nhân sự; trường hợp nếu nhân sự không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, trung thực về những nội dung liên quan đến bản thân và quan hệ gia đình theo quy định, thì sẽ không được đề nghị hoặc được xem xét quy hoạch, bổ nhiệm (*bổ nhiệm lại*), giới thiệu ứng cử (*tái cử*), điều động, luân chuyển, khen thưởng.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ về nội dung liên quan đến hồ sơ nhân sự.

2. Bàn giao hồ sơ gốc và bổ sung hồ sơ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm bàn giao hồ sơ gốc (*đối với các văn bằng, chứng chỉ là bản sao có công chứng theo quy định*) của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, chuẩn y, phê chuẩn hoặc theo định kỳ hằng năm (*hồ sơ đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm hoặc định kỳ theo quy định; văn bằng, chứng chỉ, tài liệu mới phát sinh nếu có...*) hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để quản lý theo quy định.

VII. Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn này và các phụ lục 1, 2A, 2B, 3A, 3B kèm theo có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần kịp thời phản ánh, báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy,
- Ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy cơ quan Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Đảng ủy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị-xã hội và các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp cấp tỉnh,
- Ban thường vụ các đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- Lưu Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Bảo Toàn